

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 9 - 2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hứa Thị T**, sinh năm 2001

ĐKKHKT: Khu 6, xã X, huyện T, tỉnh P

Chỗ ở: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Anh **Đỗ Hoài S**, sinh năm 1998

ĐKKHKT: Khu 6, xã X, huyện T, tỉnh P.

(Chị T có mặt và anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Hứa Thị Thương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh **Đỗ Hoài S** ngày 02 tháng 5 năm 2019, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung với nhau và chung sống với gia đình nhà anh S. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh S chơi bời, nợ nần, không những không chịu làm ăn lấy tiền nuôi con mà còn về mâu thuẫn với chị. Chị đã nhiều lần tha thứ cho anh S để anh S thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau và đến tháng 5 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau, chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và

không thể hàn gắn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoài S.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Hoài S có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Đỗ Đăng Q còn cháu Đỗ Đăng K để anh Đỗ Hoài S nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Hứa Thị Thương không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là Đỗ Hoài S, Toà án lấy lời khai anh S trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị Hứa Thị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng không có gì to tát. Anh thừa nhận việc chị T cho rằng anh chơi bời, nợ nần, không chịu tu chí làm ăn, tuy nhiên một năm trở lại đây anh đã thay đổi, đã đi làm ăn có thu nhập và phụ giúp vợ chăm con. Cụ thể anh đang làm việc tại Công ty cổ phần TaKao Việt Nam, địa chỉ: Khu Công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh đã xin chị T tha thứ và mong rằng chị T suy nghĩ lại để duy trì cuộc sống vợ chồng có đủ bố và mẹ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Do vậy anh không đồng ý ly hôn chị Hứa Thị T.

Về con chung: Anh và chị Hứa Thị T có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Hiện các cháu đều khoẻ mạnh và chung sống cùng với anh và gia đình nhà nội. Anh không đồng ý ly hôn và không đề nghị về quyền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Đỗ Hoài S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án lấy lời khai của bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của anh S cho biết:

Chị T và anh S có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 02/5/2019 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P, Trong quá trình chung sống chị T và anh S chung sống mà không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, anh S con trai bà có ham chơi, không tu chí làm ăn, khoảng 02 tháng trước anh S và chị T có giằng co điện thoại và anh S tát chị T 02 cái do anh S phát hiện trong điện thoại chị T có tin nhắn của người đàn ông khác, chị T lấy lý do đó để bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P. Sau đó anh S đã nhiều lần giảng hoà bên chị T và gia đình nhà tôi cũng tác động bên gia đình thông gia để cho chị T và anh S hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên không có hiệu quả. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Hiện nay hai cháu đang ở cùng gia đình tôi được gia đình tôi trông nom thay chị T và anh S. Anh S hiện đang làm công việc tự do và có thu nhập, chỗ ở ổn định với gia đình bà. Tuy nhiên khi Toà án lấy lời khai xong bà H không ký biên bản và cũng không nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Toà án lấy lời của bà Lê Thị N là mẹ đẻ của chị T cho biết:

Chị T và anh S có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 02/5/2019 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị T và anh S chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ anh S. Quá trình chung sống chị T và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh S không tu chí làm ăn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T đã bỏ về chung sống với gia đình nhà bà. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Các cháu khi thì ở bên nhà nội khi ở bên nhà ngoại và đều được hai

bên chăm sóc, đều có sức khỏe tốt. Bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị T ly hôn anh S, giao cho chị T quyền trực tiếp chăm sóc cháu nhỏ là cháu Q vì cháu Q còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, còn cháu K giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Nếu được Toà án chấp nhận gia đình bà sẽ hỗ trợ hết mình để cho chị T, cháu Q chỗ ở ổn định và có cuộc sống tốt.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X xác định: Chị Hứa Thị T và anh Đỗ Hoài S là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã X, huyện T, tỉnh P. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S địa phương có nắm được do chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hứa Thị T, xử cho chị Hứa Thị T được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị Hứa Thị T và Đỗ Hoài S có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Ly hôn giao cháu Đỗ Đăng K cho anh Đỗ Hoài S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên. Giao cháu Đỗ Đăng Q cho chị Hứa Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên.

Chị T và S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh S về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh S đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã X, huyện T, tỉnh P. Do đó Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh S có đến Toà án làm việc anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ và từ đó anh không đến Toà án làm việc vì vậy Toà án có gửi các văn bản tố tụng của Toà án cho anh S nhưng anh S từ chối không nhận, Tòa án cũng gửi văn bản tố tụng qua bà H là mẹ đẻ anh S, bà cũng từ chối không nhận. Vì vậy Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật

tổ tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

2. Về nội dung của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T kết hôn với anh Đỗ Hoài S vào ngày 02/5/2019, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh P, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh S và chị T xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh S chơi bời, nợ nần, không tu chí làm ăn không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Từ tháng 03/2024, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh S. Quá trình giải quyết vụ án anh S vắng mặt không đến Tòa án làm việc, anh S có đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh xin đoàn tụ chị T không đồng ý cương quyết xin ly hôn anh và anh không ký các biên bản của Tòa án và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh, anh S cũng từ chối không nhận. Do vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú khu 6, xã X và trụ sở UBND xã X nơi anh S cư trú và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của anh S và bà Lê Thị N là mẹ đẻ của chị T đều mong muốn các con đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy các con chung khôn lớn trưởng thành các bà cũng đã phân tích hòa giải cho các con để các con hiểu và thông cảm cho nhau để các cháu của các bà có đủ cả bố và mẹ còn nếu không được các bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Chị T đề nghị ly hôn, anh S không đồng ý nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị Hứa Thị T được ly hôn anh Đỗ Hoài S là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi cho nhau.

[2.2] Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Đỗ Hoài S có hai con chung là cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 và cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021. Ly hôn chị T đề nghị giao cháu K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi thành niên. Giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Xét thấy, hiện nay hai cháu đang ở với anh S và gia đình bên nội, hai cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Chị T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q vì cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc từ người mẹ hiện nay cháu Q dưới 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là

phù hợp và tránh những thay đổi không có lợi và ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ nhỏ đối với cháu Q. Quan điểm của chị T để anh S nuôi cháu K là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy giao cho anh S nuôi cháu K kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu K thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với các quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự về việc nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Hứa Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[2.6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hứa Thị T. Xử cho chị Hứa Thị T được ly hôn anh Đỗ Hoài S.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 03/01/2019 cho anh Đỗ Hoài S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu K thành niên. Giao cháu Đỗ Đăng Q, sinh ngày 07/10/2021 cho chị Hứa Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Q thành niên.

Chị T và S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hứa Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003807 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi

hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã X (Nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

